TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **57**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-02-2024
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Kim Tuyến
2. Bà Trần Thị Bích Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Dung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 553/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2129/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2024/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 107/2024/TB-TA ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Hải Đ, sinh năm 1985 *(Xin vắng mặt)*;

Địa chỉ: X Nguyễn Bình, Ấp 2, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1989 – Là người mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 189/2023/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2023;

Địa chỉ nơi cư trú cuối cùng: X Nguyễn Bình, Ấp 2, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông Võ Hải Đ là nguyên đơn trình bày:

Ông Võ Hải Đ và bà Phạm Thị Thu T là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52/2009, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/4/2009. Từ khi kết hôn, ông Đăng và bà Trang sinh sống tại ấp Thác Lác, xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang đến năm 2018 thì chuyển về 534 đường Nguyễn Bình, Tổ 4, Ấp 2, xã Nhơn Đức, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh để sinh sống.

Trong quá trình sống chung, ông Đăng và bà Trang có xảy ra mâu thuẫn do bà Trang vay nợ của nhiều người. Do đó từ cuối năm 2018 bà Trang đã bỏ nhà đi đâu không rõ. Nên ông Đăng yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè tuyên bố bà Phạm Thị Thu T là người mất tích để làm thủ tục ly hôn. Ngày 06/9/2023, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 189/2023/QĐST-DS; Theo đó, tuyên bố bà Phạm Thị Thu T là người mất tích. Quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Nay, ông Võ Hải Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Phạm Thị Thu T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông Đăng và bà Trang có 02 con chung là trẻ Võ Hải Âu, sinh ngày 19/9/2011 (Nam) và trẻ Võ Hải An, sinh ngày 24/4/2016 (Nam). Hiện cả hai con đều đang do ông Đăng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Đăng yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 con.

Về việc cấp dưỡng: Ông Đăng không yêu cầu.

Về tài sản chung: Ông Đăng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Đăng xác định không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; các văn bản tố tụng của Tòa án đối với người bị tuyên bố mất tích là bị đơn bà Phạm Thị Thu T theo quy định của pháp luật.

* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 52, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 17/4/2009 thì ông Võ Hải Đ và bà Phạm Thị Thu T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông Võ Hải Đ xin ly hôn bà Phạm Thị Thu T, bà Trang có nơi cư trú cuối cùng tại huyện Nhà Bè. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Võ Hải Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 189/2023/QĐST-DS; Thì bà Phạm Thị Thu T là người mất tích. Quyết định đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Trang

theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì hai vợ chồng kết hôn năm 2009. Có hai con chung là trẻ Võ Hải Âu, sinh ngày 19/9/2011 (Nam) và trẻ Võ Hải An, sinh ngày 24/4/2016 (Nam); Hiện cả con chung chưa trưởng thành do ông Đăng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng;

Hội đồng xét xử xét:

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*.

Bà Phạm Thị Thu T là người đã mất tích theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 189/2023/QĐST-DS của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Đăng và bà Trang có hai con chung là Võ Hải Âu và Võ Hải An. Cả hai con chung đều chưa trưởng thành và chưa có khả năng tự lao động hiện đang do ông Đăng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Nguyện vọng của Võ Hải Âu và Võ Hải An muốn được ở với cha là ông Võ Hải Đ. Do vậy yêu cầu của ông Võ Hải Đ ly hôn bà Phạm Thị Thu T đồng thời yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng là hoàn toàn có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về tài sản chung: Ông Đăng không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

[2.3] Về nợ chung: Ông Đăng xác định không có.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng ông Đăng phải nộp, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Đăng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2023/0007436 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật trẻ em;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Hải Đ được ly hôn bà Phạm Thị Thu T.

- Về con chung: Giao cả hai con chung là Võ Hải Âu, sinh ngày 19/9/2011 (Nam) và Võ Hải An, sinh ngày 24/4/2016 (Nam) cho ông Võ Hải Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận việc ông Đăng không yêu cầu cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Đăng không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ kiện dân sự khác.

- Về nợ chung: Ông Đăng xác định không có.

2/ Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do ông Võ Hải Đ nộp, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí mà ông Đăng đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2023/0007436 ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TANDTP,VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Hòa An, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Ngọc Long